

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 640/QĐ-HVPNVN ngày 8 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

Tên chương trình: Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

Mã số đào tạo: 7340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường đạt được những mục tiêu sau:

- Có tư duy kinh tế, kinh doanh và quản lý cơ bản, tổng hợp thông qua việc nắm vững và có khả năng đáp ứng những vấn đề đặt ra trong bối cảnh kinh tế thị trường ở trong nước và trên thị trường thế giới có sự thay đổi không ngừng.

- Có hiểu biết sâu sắc về cả lý luận và thực tiễn chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Có khả năng tạo lập, tổ chức, điều hành, phát triển thực tế hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị.

- Có tác phong và thái độ chuyên nghiệp, nhiệt tình trong công việc; có thể giới quan và tư tưởng chính trị đúng đắn; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm túc pháp luật nhà nước, đặc biệt chú trọng các vấn đề về bình đẳng giới trong kinh tế; được rèn luyện để có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và quan hệ rộng mở.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở và ngành Quản trị kinh doanh, lựa chọn chuyên sâu 1 trong 4 chuyên ngành: Tài chính và đầu tư, Marketing và Thương mại điện tử, Tổ chức và Nhân lực.

- Hiểu biết về chính trị và giáo dục quốc phòng phù hợp với đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước;

- Nắm vững những kiến thức cơ sở có đặc thù về giới trong mối quan hệ với kinh tế và quản trị kinh doanh.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được những kiến thức đã học vào giải quyết các hoạt động kinh doanh thực tiễn của doanh nghiệp.

- Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định, đàm phán kinh doanh, ...

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng anh giao tiếp, tiếng anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh và tin học căn bản.

1.2.3. Về thái độ

- Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, nắm vững được các nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

- Yêu ngành, yêu nghề, có đạo đức, thái độ và văn hóa kinh doanh hiện đại, phấn đấu bình đẳng giới.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Với những kiến thức được trang bị một cách cơ bản và có tính đặc thù, sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có nhiều lựa chọn và nhiều cơ hội để thử sức trong những lĩnh vực và ở các vị trí công việc khác nhau. Cụ thể trong các lĩnh vực: dịch vụ công cộng, các tổ chức thương mại và kinh doanh quốc tế, quản trị doanh nghiệp; các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức nghiên cứu và tư vấn về kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, hoặc có thể tự khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp,...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Trình độ ngoại ngữ: Sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/01/2014;

- Trình độ tin học: Thành thạo các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/03/2014.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian để hoàn thành chương trình là 4 năm. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa là 6 năm.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

- Những người đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phương án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo qui định của Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. THANG ĐIỂM

Thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo tín chỉ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: **120 tín chỉ** chưa kể phần nội dung về Ngoại ngữ (10 tín chỉ); Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (28 tín chỉ)			
6.1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	DHCT13	Triết học Mác – Lênin	3
2	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2
5	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6.1.2. Khoa học xã hội (5 tín chỉ)			
6	DHPL01	Pháp luật đại cương	2
7	DHTL23	Tâm lý học Quản trị kinh doanh	3
6.1.3. Ngoại ngữ (Tổ chức cho sinh viên tự học, xem phần tổ chức chương trình)			
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)	
6.1.4. Tin học- Khoa học tự nhiên (8 tín chỉ chưa tính GD thể chất và GD quốc phòng)			
8	DHCT11	Logic học đại cương	2
9	DHNT13	Tin học văn phòng	3
10	DHNT12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
11	DHGQ03 DHGQ04 DHGQ07	Giáo dục thể chất	3
12	DHQG03	Giáo dục quốc phòng an ninh	8
6.1.5. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ - Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần)			
	DHTL09	Kỹ năng sống	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
13	DHTL19	Kỹ năng tư duy	2
14	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2
	DHTH07	Kỹ năng giao tiếp	2
6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (92 tín chỉ)			
6.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành (6 tín chỉ)			
15	DHKT02	Kinh tế vi mô	3
16	DHKT03	Kinh tế vĩ mô	3
6.2.2. Kiến thức ngành (46 tín chỉ)			
6.2.2.1. Kiến thức chung của ngành (28 tín chỉ)			
17	DHKT04	Kinh tế lượng	3
18	DHTH10	Quản trị học	3
19	DHPR08	Quản trị Marketing	4
20	DHKT05	Nguyên lý kế toán	3
21	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
22	DHTH04	Quản trị sản xuất	3
23	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực	3
24	DHTH34	Quản trị chất lượng	3
25	DHKT33	Giới trong Kinh tế và Quản trị	3
6.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (18 tín chỉ)			
26	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3
27	DHTH35	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	3
28	DHTH07	Quản trị chiến lược	3
29	DHTH16	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
30	DHTT09	Kiến tập ngành	2
31	DHNT21	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1	2
32	DHNT22	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2	2
6.2.3. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (15 tín chỉ - SV chọn 1 trong 3 khối kiến thức)			
Khối kiến thức chuyên sâu về Marketing và Thương mại điện tử			
33	DHPR10	Hành vi người tiêu dùng	3
34	DHPR11	Quản trị quan hệ khách hàng	3
35	DHPR12	Quản trị chuỗi cung ứng	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	DHPR28	Thương mại điện tử	3
37	DHPR29	Marketing xã hội	3
Khối kiến thức chuyên sâu về Tài chính và đầu tư			
33	DHKT17	Đầu tư bất động sản	3
34	DHKT18	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3
35	DHKT19	Quản trị dự án đầu tư	3
36	DHKT20	Quản trị rủi ro trong tài chính	3
37	DHKT21	Thị trường tài chính	3
Khối kiến thức chuyên sâu về Tổ chức và nhân lực			
33	DHTH36	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển	3
34	DHTH37	Lương, thưởng và phúc lợi	3
35	DHTH38	Quan hệ lao động	3
36	DHTH39	Quản trị hiệu quả hoạt động	3
37	DHTH41	Hành vi tổ chức	3
6.2.4. Kiến thức bổ trợ (13 tín chỉ)			
Bắt buộc (9 tín chỉ)			
38	DHLD14	Pháp luật kinh tế	2
39	DHPR01	Văn hóa kinh doanh	2
40	DHKT14	Thống kê kinh doanh	3
41	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Tự chọn (4 tín chỉ - SV chọn 2 trong 7 học phần)			
42 43	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo	2
	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2
	DHPR18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	2
	DHPR25	Kỹ năng bán hàng hiện đại	2
	DHTH22	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh	2
	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên	2
	DHKT30	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	2
6.2.5. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)			
44	DHTT01	Thực tập tốt nghiệp	6
45 46 47	DHKL01	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc học 3 học phần thay thế, chọn từ khối kiến thức bổ trợ , phần tự chọn 6.2.4	6

Lưu ý: Điều kiện đăng ký viết, hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)**

HỌC KỲ 1			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế vi mô	3	Không
2	Quản trị học	3	Không
3	Tin học văn phòng	3	Không
4	Tâm lý học Quản trị kinh doanh	3	Không
5	Học phần tự chọn 1	2	Không
6	Giáo dục thể chất (học phần 1)	1	Không
Tổng		14 TC (chưa tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 2			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Triết học Mác - Lênin	3	Không
2	Logic đại cương	2	Kinh tế vi mô
3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vi mô
4	Pháp luật đại cương	2	Không
5	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Không
6	Học phần tự chọn 2	2	Không
7	Giáo dục thể chất (học phần 2)	1	Giáo dục thể chất (HP 1)
8	Quản trị Marketing	4	Quản trị học
9	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không
Tổng		19 TC (chưa tính GD thể chất, quốc phòng an ninh)	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)

HỌC KỲ 3			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác - Lênin
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	Không
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
4	Quản trị sản xuất	3	Quản trị học
5	Nguyên lý Kế toán	3	Không
6	Học phần bổ trợ - tự chọn 1	2	Không
7	Pháp luật kinh tế	2	Pháp luật đại cương

8	Văn hóa kinh doanh	2	Quản trị học
9	Giáo dục thể chất (học phần 3)	1	Giáo dục thể chất (HP 2)
Tổng		19 TC (chưa tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 4			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2	Kinh tế lượng	3	Lý thuyết xác suất thống kê
3	Học phần bổ trợ - tự chọn 2	2	Không
4	Quản trị nguồn nhân lực	3	Quản trị học
5	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp	3	Quản trị học
6	Quản trị chất lượng	3	Quản trị học
7	Kiến tập ngành	2	Không
Tổng		18 TC	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)

HỌC KỲ 5			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh 1	2	Sinh viên phải đạt Toeic 370 trở lên
1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Quản trị học
3	Giới trong Kinh tế và Quản trị	3	Không
4	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	Quản trị học
5	Quản trị chiến lược	3	Quản trị học
6	Thống kê kinh doanh	3	Kinh tế lượng
Tổng		19 TC	
HỌC KỲ 6			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh 2	2	Tiếng Anh chuyên ngành 1



2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
3	Học phần chuyên sâu 1	3	Theo khối học phần chuyên sâu
4	Học phần chuyên sâu 2	3	
5	Học phần chuyên sâu 3	3	
6	Học phần chuyên sâu 4	3	
7	Học phần chuyên sâu 5	3	
Tổng		19 TC	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7)

HỌC KỲ 7			
TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
1	Thực tập tốt nghiệp	6	Theo quy chế đào tạo
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	Theo quy chế đào tạo
TỔNG		12 TC	

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên.

8.1. Về việc tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

a) **Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất**, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) **PHẢI** tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để nhà trường xác định được trình độ tiếng Anh đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Các sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

b) **Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào**, sinh viên đăng ký học tập tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- Kết thúc mỗi năm học, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống.

- Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW

- Những sinh viên không tham gia học tập tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện PHẢI gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải quay lại đăng ký học và thi tiếng Anh do CETCAW tổ chức.

- Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên.

- Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

c) Sau khi hoàn thành 4 khóa học tiếng Anh cơ bản, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 2 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.

8.2. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Chương trình đã phân bổ cụ thể về thời lượng lý thuyết và thực hành/thảo luận cho các học phần theo đúng quy định. Căn cứ vào thực tiễn dạy học và chương trình phổ thông mới, các bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo. Các bộ môn chú ý tính kế thừa và thống nhất của các học phần trong và ngoài bộ môn. Ngoài ra, cần chú trọng lồng ghép các vấn đề về giới và bình đẳng giới trong nội dung của từng học phần.

8.3. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn. Cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh thực tế, bài tập nghiên cứu, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác...

- Các học phần chuyên ngành phải có sự lồng ghép ít nhất 1 buổi trao đổi kinh nghiệm thực tế về một vấn đề thuộc học phần giữa doanh nhân và sinh viên.

8.4. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong quy chế đào tạo- Học viện Phụ nữ Việt Nam

Đặc biệt, sinh viên khoa QTKD tham gia hoạt động thực hành kinh doanh ở Phòng thực hành kinh doanh của Học viện, nếu có kế hoạch và được đánh giá tốt sẽ thay thế cho một môn học tự chọn trong khối Kiến thức giáo dục đại cương.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN



TS. Trần Quang Tiên

